

Nhà nước nên điều hành kinh tế như thế nào? Trước khi trả lời câu hỏi này, nên tham khảo kinh nghiệm lịch sử thế giới, từ đó có thể rút ra một vài kinh nghiệm hữu ích.

I. NHÀ NƯỚC VÀ VIỆC TỐI THIỂU HÓA CÁC CHI PHÍ QUẢN LÝ CỦA CHÍNH QUYỀN

Gia đình là nơi được thành lập do tình yêu, tình chồng vợ, tình cha mẹ con, tình anh em. Thế nhưng đôi khi các thành phần này vẫn đưa nhau ra tòa nhờ phân xử, hướng hồ trong nước có nhiều thành phần khác nhau, có khi xảy ra nội chiến, hay chiến tranh với các nước khác. Do đó, cần có một bộ phận "có tính võ tư", trên gia đình, trên các thành phần xã hội, thay mặt cho nhân dân đứng ra quản lý mọi việc, duy trì trật tự an ninh và chống với giặc nếu cần. Cơ quan này phải có đủ quyền lực cần thiết và có quyền thu thuế để hoàn thành các nhiệm vụ tốn kém trên đây. Cơ quan này được gọi là Nhà nước.

Khuynh hướng dùng quyền hành để quản lý xã hội (với các chi phí cao) giảm trong các giai đoạn thanh bình và tăng mạnh trong thời gian bất ổn định, chiến tranh. Từ cuối thế kỷ 19, nhất là thời gian

chiến tranh 1914-18 và 1939-1945, Triều Tiên và VN, chi phí quốc phòng các nước tăng mạnh và quân đội thường trực được duy trì ngay cả trong thời bình. Những chi phí này ngốn hết ngân khoản của nhà nước, không những nhà nước phải tăng thu thuế để duy trì quân lực và cảnh bị mạnh mà còn phải dùng đến những nguồn khác như vay tiền của dân hay của ngân hàng. Vì vậy, nguyên nhân chính tạo ra lạm phát, thiếu hụt ngân sách là các chi phí quốc phòng và an ninh quá lớn.

Biên chế công nhân viên nhà nước cũng tăng mạnh. Quy chế nhân viên nhà nước khác với quy chế nhân viên các xí nghiệp tư. Chủ nhân các xí nghiệp tư vì phải trả lương cho công nhân nên chỉ giữ số nhân viên tối thiểu cần thiết, những người này phải lao động cật lực để tạo thành dư giá trị cho chủ nhân. Trái lại tuy nhân dân là người chủ của nhà nước, song cái quyền làm chủ này chỉ có tánh cách chung chung. Chỉ cần sáng cấp ô đi tối cấp về, miễn đừng phạm các lỗi nặng và đừng bị bắt đi qua tang phạm pháp, nếu biết khéo với cấp trên thì "sống lâu lên lão làng". Cơ quan nhà nước không cho nhân viên thôi việc, nhất là công nhân viên trong biên chế. Vì lý do trên,

nạn biên chế nhiều, hiệu quả kém là tình trạng phổ biến trong khắp các cơ quan chính quyền trên hầu hết các nước.

Tại Nhật sau 1945, nhà nước Nhật đã hạn chế chi phí quốc phòng xuống còn 1% GDP, so với Mỹ chỉ đến 7-8% GDP cho chi phí quốc phòng và Liên Xô khoảng 14-15%, VN khoảng 30-40% trong thời gian 1950-1975. Đồng thời biên chế nhân viên nhà nước được giảm tối đa, khiến chi phí hành chánh của Nhật ít hơn so với chi phí hành chánh của Mỹ, Anh, Pháp, Liên Xô. Các sự kiện trên nêu lên những vấn đề rất mới, chỉ xảy ra sau năm 1945: trước 1945 tất cả các nước Anh, Pháp, Mỹ, Nga, Nhật, Đức đều có những gánh nặng chi phí quốc phòng xấp xỉ ngang nhau. Từ 1945 trở đi tới nay, chi riêng tại Nhật, gánh nặng quốc phòng và quan liêu được tinh giảm tối đa, còn các nước khác, đều duy trì quân đội hàng nhiều triệu người cộng thêm đội quân viên chức công nhân viên "Sáng cấp ô đi, tối cấp về, đọc báo trong giờ làm việc" cũng trên nhiều triệu người mỗi nước. Kết quả: Ngân sách các nước Anh, Pháp, Mỹ không còn tiền nhiều để tài trợ cho đầu tư và phát triển, còn Nhật đã đầu tư hàng năm 30-40% GDP và phát triển nhanh, không lạm phát. Trong phần đầu tư hàng năm lên đến 30-40% GDP này, ngân sách Nhật góp 30%, khu vực gia đình 10%, còn khu vực các xí nghiệp khoảng 60%. Từ địa vị thứ cường, Nhật đã vượt qua Anh, Pháp về GDP năm 1962-1964, Đức năm 1966, Liên Xô các năm cuối thập niên 80 và hiện nay là đệ nhị cường.

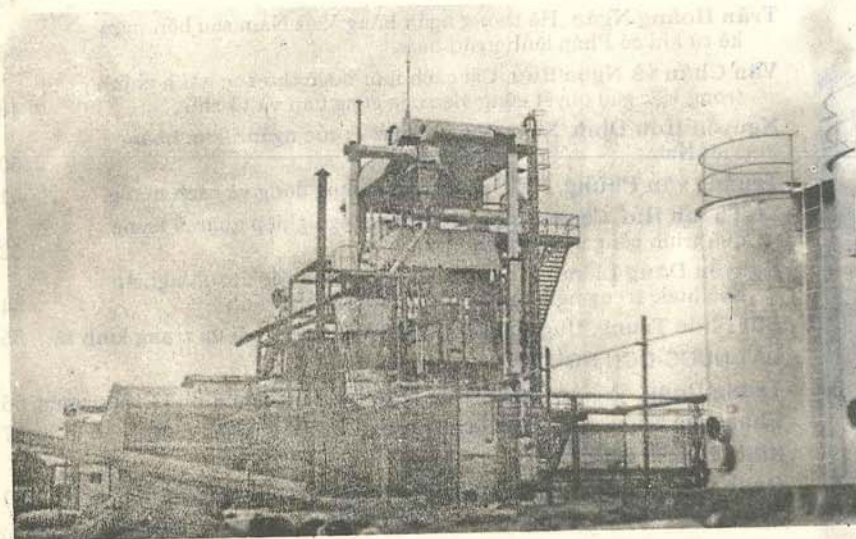
Từ các nhận xét nêu trên, vấn đề cốt lõi trong bài toán Nhà nước và kinh tế là tối thiểu hóa các chi phí hành chánh, quan liêu, quân sự để dồn tiền cho đầu tư và phát triển kinh tế. Nước nào thành công sẽ thành cường quốc kinh tế không khó, vì lẽ chi phí quốc phòng, an ninh và hành chánh quan liêu chiếm phần lớn ngân sách các nước ngày nay. Nước nào thành công cắt giảm đáng kể các chi phí này sẽ có ngay nhiều số tiền rất lớn dành cho phát triển kinh tế.

II. NHÀ NƯỚC VÀ VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ

Nhà nước là một cơ quan hành chánh, pháp luật, quân sự, không như các xí nghiệp tư nhân bị phá sản nếu lỗ và phát triển mạnh nếu có lãi nhiều. Quy luật lợi nhuận và hiệu quả kinh tế, bị phá sản nếu bị lỗ nặng hay tích lũy vốn nhanh nếu thu được lãi cao không chế các xí nghiệp tư nhân, còn nhà nước thoát ra ngoài quy luật phải làm ăn có hiệu quả.

NHÀ NƯỚC VÀ VIỆC ĐIỀU HÀNH KINH TẾ

TS. LÊ KHOA



2 PHÁT TRIỂN KINH TẾ

Buổi đầu, trong chế độ tư bản, các xí nghiệp tư nhân còn nhỏ và ít vốn. Nhưng dần dần các xí nghiệp nhỏ được quản lý tốt, biết ứng dụng khoa học kỹ thuật có lãi nhiều, lấy lãi nhập vào vốn, thu hút thêm vốn người dân và vốn vay ngân hàng, đầu tư và trở thành các tập đoàn sản xuất, các công ty đa quốc gia. Tập đoàn đa quốc gia gồm hàng trăm, hàng ngàn xí nghiệp, nên việc quản lý các tập đoàn tư bản tài chánh này khác hẳn các xí nghiệp nhỏ tư nhân. Các xí nghiệp trong tập đoàn phải khai báo bản tổng kết tài sản, bản kết quả kinh doanh và lỗ lãi. Căn cứ trên các tài liệu kế toán này, máy vi tính sẽ so sánh ngay các xí nghiệp trong tập đoàn, lập bản sắp hạng theo những thứ tự những xí nghiệp nào có mức lãi cao nhất thì được sắp xếp trên những hàng đầu: các ban giám đốc sẽ được ưu tiên khen thưởng. Ngược lại những xí nghiệp nào có mức lãi thấp kém sẽ bị lên danh sách đỏ ngay, các ban giám đốc của các xí nghiệp bị lỗ này sẽ bị thay đổi ngay. Phương pháp quản lý trên rất nhanh, gọn và vô tư, chỉ cần giao cho máy vi tính đảm nhiệm.

Hiện nay, Nhà nước VN có hàng ngàn các xí nghiệp và cơ quan. Nếu quản lý bằng báo cáo theo thủ tục hành chánh mất rất nhiều thì giờ và nhân viên. Theo thiết ý cũng nên giao cho các máy vi tính đảm nhiệm. Đối với các xí nghiệp kinh doanh của nhà nước, có thể so sánh theo một số chỉ tiêu, như lợi nhuận, tiền lương công nhân, sản lượng đầu người, giá trị thêm vào của xí nghiệp. Với các cơ quan khoa học, có thể so sánh số công trình công bố và chất lượng các công trình. Với các trường học, có thể so sánh số học sinh tốt nghiệp ít hay nhiều... Tóm lại, có thể đề ra những chỉ tiêu xếp hạng khá chính xác và giao cho máy vi tính đảm nhận việc xếp hạng và căn cứ trên các bản xếp hạng này loại bớt những xí nghiệp hay cơ quan quá yếu.

III. NHÀ NƯỚC VÀ VIỆC QUẢN LÝ KINH TẾ BẰNG CÁC BIỆN PHÁP TẠO PHÂN THỊNH KINH TẾ

Có ý kiến rằng nếu dùng các chỉ tiêu lợi nhuận để so sánh hiệu quả của các xí nghiệp quốc doanh, đa số sẽ bị dẹp bỏ, đứng đầu là các Công ty điện lực vì đang bị lỗ nặng. Vì vậy, nhà nước phải tạo điều kiện cho các xí nghiệp tư doanh cũng như quốc doanh có lợi nhuận cao, tỷ như Nhật Bản đã áp dụng rất hữu hiệu các biện pháp ví mô sau đây:

- Mua đồng USD với tỷ giá cao.
- Đánh thuế nặng vào hàng nhập.
- Chống buôn lậu rất có hiệu quả.



- Do chi quốc phòng và chi hành chánh thấp nên nhà nước Nhật đánh thuế ít hơn so với các nhà nước Anh, Pháp, Mỹ khác.

- Lãi suất ngân hàng cũng thấp hơn.

- Giá trong nước (tính bằng yên) và giá xuất ra ngoài nước (tính bằng yên) cao, trong khi tính bằng USD lại thấp (nhờ chánh sách tỷ giá cao), nên hàng Nhật bán chạy và được lãi cao.

- Giá cả được ấn định theo luật cung cầu, các xí nghiệp có lợi nhuận cao nếu giảm được giá thành, nên mọi xí nghiệp đều phải cố gắng đổi mới mặt hàng và giảm phí sản xuất.

Các biện pháp ví mô trên tạo điều kiện cần thiết cho các xí nghiệp trọng dụng các chuyên viên, ứng dụng kỹ thuật mới, làm các mặt hàng mới, đổi thiết bị cũ bằng thiết bị mới thu được lợi nhuận cao. Thông thường, các xí nghiệp Nhật thu được lợi nhuận cao gấp 2 hay 3 lần so với các xí nghiệp cùng loại tại Anh, Pháp, Mỹ.

Ở VN, nếu nhà nước áp dụng các biện pháp trên, sẽ tạo điều kiện giúp cho các xí nghiệp đạt được lợi nhuận khá hơn, đồng thời áp lực cạnh tranh và luật phá sản ban hành tạo áp lực buộc các xí nghiệp phải cạnh tranh để sống còn.

Tóm lại, sau khi tạo điều kiện cần thiết cho các xí nghiệp có lợi nhuận cao, chỉ còn có các xí nghiệp có lợi nhuận cao (không phân biệt quốc doanh hay tư nhân) sống được và phát triển mạnh, các xí nghiệp kém bị đào thải với luật phá sản, do đó có áp lực rất mạnh buộc các xí nghiệp phải tự cạnh tranh để tồn tại.

IV. NHÀ NƯỚC VÀ CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI ĐẦU TƯ HẠ TẦNG CƠ SỞ, CẠNH TÂN VÀ TRANG BỊ

Xí nghiệp tư nhân có ưu thế ở điểm phải năng động và tuân theo quy luật lợi nhuận, nhưng xí nghiệp

Nhà nước lại có ưu thế hơn nhờ được nhà cầm quyền yểm trợ, ngân hàng và ngân sách cấp vốn, do đó có thể tập trung nhanh những số vốn lớn, huy động được nhiều chuyên viên hơn. Nếu nhà nước không làm kinh tế và thiết lập nhiều xí nghiệp quốc doanh, tranh thủ được ngoại viện, vay vốn ngân hàng, dùng lạm phát để đầu tư, ở VN không có những thủy điện Hòa Bình, Trị An, xi măng Bim Sơn, đường dây cao áp... Vì vậy, vốn nhà nước và các xí nghiệp quốc doanh, hợp doanh, liên doanh là các công cụ cần thiết để thực hiện các chương trình đại đầu tư và cạnh tân, trong đó vốn nhà nước và các công ty quốc doanh tỏ ra rất thích hợp để cải tạo hạ tầng cơ sở (cảng sâu ven biển, đường xa lộ, nhà máy phát điện, đường cao áp, viễn thông...). Ngoài ra, để đẩy mạnh hơn nữa nhịp phát triển, nhà nước cũng nên mạnh dạn đầu tư trong một số nhà máy hóa dầu, sắt, thép, công nghiệp nặng, trong một số xí nghiệp lớn và đòi hỏi vốn cao, có thị trường chắc chắn (như lọc dầu, urê ở VN hiện nay). Chương trình đại đầu tư là một trong những công cụ mạnh nhất để tạo nền vịnh kinh tế và phát triển nhanh.

Tóm lại, các công cụ mạnh nhất nằm trong tay nhà nước để quản lý kinh tế là:

1. Giảm mạnh chi phí quốc phòng hành chánh, quan liêu chuyên thành chi phí đầu tư phát triển.

2. Ứng dụng phương pháp quản lý tư nhân lời ăn lỗ chịu và tuân theo quy luật hiệu năng và lợi nhuận tương tự như tư nhân.

3. Quản lý kinh tế gián tiếp qua các biện pháp ví mô.

4. Quản lý trực tiếp qua đại đầu tư và cạnh tân trang bị.

Bốn điểm trên đây hợp thành một thể hoàn chỉnh yểm trợ hữu hiệu lẫn nhau ♣